

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-12-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3869/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Nhật N; nơi cư trú: ĐKHKT số 18A, ngõ 277 phố Tôn Đức Th, phường ThQ, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; tạm trú: Angerring 18, 92421 Schwandorf, Cộng hòa Liên bang Đức, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L; nơi cư trú: ĐKHKT số 13, ngách 01, ngõ 2B, Phạm Phú T, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Cộng hòa Liên bang Đức, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Nhật N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị cùng sang Đức để sinh sống, tuy nhiên khi sống tại Đức do hoàn cảnh công việc nên giữa anh và chị L thường xuyên không chung sống cùng nhau dẫn đến nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai cũng đã cố gắng hòa giải nhưng đều không được. Đỉnh điểm đến đầu năm 2017, hai bên đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương L.

Về nuôi con chung và tài sản chung: Giữa anh và chị Nguyễn Thị Phương L không có con chung, tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là chị Nguyễn Thị Phương L trình bày: Chị thống nhất với anh Nguyễn Nhật N về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng ly hôn. Chị Nguyễn Thị Phương L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Nhật N.

Do chị Nguyễn Thị Phương L đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa: Cả anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thỗ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội vào ngày 05 tháng 11 năm 2010, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Tại thời điểm thụ lý vụ án anh Nguyễn Nhật N có mặt tại Việt Nam còn chị Nguyễn Thị Phương L hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Phương L vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho người nhà tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho chị. Anh Nguyễn Nhật N đã được nhận tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do anh có công việc đột xuất. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L.

[3] Về hôn nhân: Lời khai của anh Nguyễn Nhật N thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Phương L về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời lời khai của anh chị cũng phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L có mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L không chung sống cùng nhau nên vợ chồng không có sự chia sẻ công việc, tình cảm với nhau dẫn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình khuyên bảo, bản thân cả anh chị cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2017 anh chị đã sống ly thân, cả hai cũng đã đều có cuộc sống riêng, không

còn quan tâm tới nhau cả về vấn đề tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc anh Nguyễn Nhật N xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn Nhật N.

[4] Về con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L đều thống nhất không có con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Nhật N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương L.

2. Về con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật N và chị Nguyễn Thị Phương L không có con chung, tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Nhật N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0010932 ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Nhật N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Nhật N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị Phương L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim San Đỗ Xuân Quyết

Trần Thu Hương

